

Số: 9874/GPMT-STNMT

Long An, ngày 28 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 214/CV-2023 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2, địa chỉ: Số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm GMP EU Long Hậu – công suất 30.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm) tại vị trí Lô 3D-4, Đường số 10, Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1), xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất dược phẩm GMP EU Long Hậu – công suất 30.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 3D-4, Đường số 10, Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1), xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6518415787 chứng nhận lần đầu ngày 04/11/2021 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 27/6/2023 do Ban Quản lý

khu kinh tế tỉnh Long An cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0302408317, đăng ký lần đầu ngày 24/09/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 24/5/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0302408317-004, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/4/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2.

1.4. Mã số thuế: 0302408317.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dược phẩm (dịch truyền).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích thực hiện dự án: 10.000m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 340915 vào ngày 27/06/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Sản phẩm và công suất: Dịch truyền (Amino acid, Ringer solution, nước muối sinh lý) công suất 30.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm) với các loại cụ thể như sau:

+ Loại sản phẩm dịch truyền 1.000ml: 5.000.000 phẩm/năm (tương đương 5.000 tấn sản phẩm/năm).

+ Loại sản phẩm dịch truyền 500ml: 20.000.000 phẩm/năm (tương đương 9.000 tấn sản phẩm/năm).

+ Loại sản phẩm dịch truyền 250ml: 5.000.000 phẩm/năm (tương đương 1.000 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình sản xuất

+ Sản xuất dịch truyền: Nguyên liệu (dạng bột) → Định lượng → Trộn → Chiết rót → Kiểm tra rò rỉ túi → Kiểm tra trọng lượng → Kiểm tra ngoại quan → Hấp tiệt trùng → Đóng thùng, đóng pallet → Thành phẩm.

+ Quy trình xử lý nước pha tiêm (nguyên liệu đầu vào sản xuất dịch truyền) : Nước cấp thủy cục (từ nhà máy nước cấp của Công ty CP Long Hậu) → châm NaOCl trên đường ống → Hệ thống lọc ACF → Bộ lọc 5μm → Thiết bị khử CO₂ → Hệ thống lọc RO → Hệ thống lọc EDI → Hệ thống lọc UF → Bồn chứa nước dùng để pha tiêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 12 tháng 12 năm 2023 đến ngày 12 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Long Hậu;
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLMT, văn.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9874/GPMT-STNMT
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (giai đoạn 1), không xả ra môi trường.

- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2 đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ tiện ích số 193/2022/HĐ-LHC-CSKH ngày 26/5/2022 và Phụ lục – xử lý nước thải số 552/2023/PL-LHC-CSKH ngày 23/10/2023 với Công ty Cổ phần Long Hậu (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1)).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng được thu gom bằng hệ thống máng thu chảy vào ống nhựa uPVC Ø168mm sau đó chảy xuống hệ thống thoát nước mưa dưới đất cùng với nước mưa chảy tràn trên mặt đất chảy vào mương thu gom nước mưa có kích thước 250mm, 400mm, 500mm, 600mm. Hệ thống mương thu nước mưa được thiết kế mương hở, xây dựng bằng vật liệu bê tông cốt thép, phía bên trên có lắp đặt các song chắn rác nhằm chắn rác rơi vào mương thu gom. Toàn bộ nước mưa được thu gom theo phương thức tự chảy và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) thông qua 01 hố ga đầu nối nằm trên Đường số 10 của Khu công nghiệp với tọa độ $X = 1176444$; $Y = 604208$ (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại dự án từ các nguồn:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nước thải từ chậu rửa, vòi tắm khăn cấp với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng $5,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom theo đường ống uPVC D50mm, D80mm, D100mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất thiết kế $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý. *nh*

Nguồn số 02: Nước thải từ tháp giải nhiệt với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 0,1 m³/ngày được thu gom theo đường ống HDPE D80mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm để xử lý.

Nguồn số 03: Nước thải từ xả cặn nồi hơi với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 0,32 m³/ngày được thu gom theo đường ống SUS304 D80mm, uPVC D80mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm để xử lý.

Nguồn số 04 : Nước thải từ vệ sinh máy móc thiết bị có sử dụng dung dịch tẩy rửa với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 0,2 m³/ngày được thu gom theo đường ống SUS304 có kích thước D50 mm, D100 mm, D150mm, dẫn về bể chứa bằng bê tông cốt thép phủ lớp FRP thể tích 10m³ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

Nguồn số 05: Nước thải từ phòng thí nghiệm với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 0,2 m³/ngày được thu gom theo đường ống SUS304 có kích thước D50mm, D80mm dẫn về bể chứa bằng bê tông cốt thép phủ lớp FRP thể tích 10m³ (lưu chứa chung với nguồn số 04).

Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh màng lọc RO, lọc UF của quy trình xử lý nước pha tiêm với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 6 m³/lần/6 tháng được thu gom theo đường ống SUS304 có kích thước D65mm, D150mm dẫn về bể chứa bằng bê tông cốt thép phủ lớp FRP thể tích 10m³ (lưu chứa chung với nguồn số 04, số 05).

Nguồn số 07: Nước xả lọc từ quá trình xử lý nước pha tiêm (ở các công đoạn lọc RO, EDI, UF) với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 108,2 m³/ngày được thu gom theo đường ống SUS304 có kích thước D65 mm, D80 mm, D100 mm, D150mm và ống uPVC có kích thước D150mm dẫn về bể chứa thể tích 133 m³ được xây dựng bằng vật liệu bê tông cốt thép và có lắp đặt thiết bị sục khí, sau đó nước thải được bơm theo đường ống HDPE D80mm, D100mm dẫn ra hố ga thu gom nước thải chung của Công ty (có châm hóa chất NaOH hoặc H₂SO₄ trên đường ống nhằm để ổn định PH).

Nguồn số 08: Nước thải từ vệ sinh máy móc, thiết bị đã được tráng rửa bằng nước cất pha tiêm và không chứa hóa chất với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 0,8 m³/ngày trong quá trình sản xuất đã được tráng rửa bằng nước cất pha tiêm và không chứa hóa chất được thu gom bằng hệ thống ống SUS304 có kích thước D65 mm, D100 mm dẫn về bể chứa thể tích 133 m³ (lưu chứa chung với nguồn số 07).

Nước thải sau xử lý từ các nguồn số 01, số 02, số 03 sau khi xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) sẽ theo đường ống uPVC D100mm dẫn ra hố ga thu gom nước thải chung với nước thải từ các nguồn số 07, số 08 sau khi được ổn định PH. Từ đây, Nước thải sẽ tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D150mm, chiều dài 7,3m chảy vào hố ga giám sát nước thải của Công ty bên trong hàng rào, sau đó chảy theo đường ống nhựa uPVC D150mm, chiều dài 11m vào cống thoát nước thải của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) ở 01 vị trí đầu nổi trên Đường số 10 với toạ độ X = 1176446; Y = 604212 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰) để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào (từ các nguồn số 01, số 02, số 03) → Hồ thu gom → Bể tách cặn và chứa bùn → Bể lọc thiếu khí → Bể MBBR 01 → Bể MBBR 02 → Bể lắng → Bể lọc hạt mang → Bể khử trùng → Đầu nối nước thải với Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1).

+ Công suất thiết kế: 6 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Viên clo nén, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo giới hạn cho phép của Công ty Cổ phần Long Hậu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; Thường xuyên kiểm tra, bổ sung duy trì dưỡng chất vào bể lọc thiếu khí, bể hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật; Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp (trừ khi được sự chấp thuận của Khu công nghiệp); đồng thời, ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp. Trong thời gian khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải, nhà máy chỉ hoạt động sản xuất các khâu không phát sinh nước thải, các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải lớn cần ngừng hoạt động đến khi hoàn thành công tác khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo lưu lượng nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải không vượt quá thời gian lưu nước của hệ thống.

- Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải (tại hồ thu gom).
- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải sơ bộ theo giá trị giới hạn cho phép tiếp nhận đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (giai đoạn 1) với các thông số đặc trưng như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Long Hậu 3
1	pH	--	5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
3	BOD ₅	mg/l	100
4	COD	mg/l	400
5	Tổng Nito	mg/l	60
6	Tổng Photpho (theo P)	mg/l	8
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đầu nổi của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1) tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9874/GPMT-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

- Bụi, khí thải từ hoạt động của 4 lò hơi (công suất mỗi lò hơi 2 tấn hơi/giờ với lưu lượng khí thải phát sinh tối đa khoảng 2.000 m³/giờ/lò) sử dụng nhiên liệu đốt là khí LPG nên không đề xuất lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải; khí thải từ 04 lò sẽ được thoát trực tiếp ra môi trường thông qua 01 ống thải chung đường kính D300mm, chiều cao qua mái nhà xưởng 2m (cao 14m so với mặt đất).

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (không phát sinh thường xuyên), công suất 110 kVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, với hàm lượng lưu huỳnh S <0,05%) được trang bị các phụ kiện đi kèm bao gồm bộ giảm âm, cao su giảm chấn và ống thải xả khí với chiều cao 0,5 m đặt trên sân thượng (cao 12,5m so với mặt đất).

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại khoản 1 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động của 4 lò hơi (công suất 2 tấn hơi/giờ/ lò hơi) sử dụng nhiên liệu đốt là khí LPG nên không đề xuất lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải; khí thải từ 04 lò sẽ được thoát trực tiếp ra môi trường thông qua 01 ống thải chung đường kính D750mm, chiều cao qua mái nhà xưởng 2m (cao 14m so với mặt đất) và xả thải ở vị trí có toạ độ: X = 1176410; Y = 604176.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (không phát sinh thường xuyên), công suất 110 kVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, với hàm lượng lưu huỳnh S <0,05%) được trang bị các phụ kiện đi kèm bao gồm bộ giảm âm, cao su giảm chấn và ống thải xả khí với chiều cao 0,5 m đặt trên sân thượng (cao 12,5m so với mặt đất), toạ độ vị trí vị trí điểm xả thải: X = 1176385; Y = 604209.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành

thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Sử dụng khí gas LPG có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng; Bồn chứa khí gas LPG phải được gia cố và kiểm tra thường xuyên, kết hợp với nhà cung cấp khí gas tổ chức kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật của bồn chứa khí gas và đánh giá hệ số an toàn của bồn chứa; Trang bị đầy đủ và sử dụng đúng chủng loại các thiết bị, đường ống cấp khí gas và thiết bị giám sát lưu lượng khí gas; Lập kế hoạch kiểm tra và bảo trì đường ống cấp khí gas, tất cả các thiết bị theo đúng quy định nhà nước và hướng dẫn của nhà cung cấp khí gas và lập thức sửa chữa, khắc phục nếu phát hiện sự cố hư hỏng, rò rỉ khí gas tại các đường ống cấp khí gas. Tuyệt đối không vận hành hệ thống tại khu vực có phát hiện hư hỏng mà chưa có biện pháp bổ sung ngăn ngừa sự cố; Tổ chức đào tạo huấn luyện phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp cho công nhân viên làm việc tại các công đoạn có sử dụng khí gas LPG.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng lò hơi định kỳ; Thực hiện kiểm định và vận hành lò hơi theo hướng dẫn của nhà cung cấp; Tuân thủ các quy định an toàn trong vận hành lò hơi; Thường xuyên kiểm tra chất lượng nhiên liệu và trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn cho lò hơi; Chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với lò hơi. Trường hợp, lò hơi xảy ra sự cố Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức và dừng hoạt động tại lò hơi gặp sự cố do có khả năng có phát sinh bụi, khí thải xả thải vượt quy định xả ra môi trường; chỉ hoạt động lại lò hơi khi đã khắc phục xong sự cố. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Bố trí 04 hệ lọc không khí AHU với tổng công suất 19.800 m³/giờ dùng để cấp không khí vào nhà xưởng và điều hòa không khí trong nhà xưởng tạo môi trường sản xuất đảm bảo theo tiêu chuẩn GMP EU.

3.4. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9874/GPMT-STNMT
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy trộn;
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm);
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng công suất 110KVA;
- Nguồn số 04: Lò hơi số 01;
- Nguồn số 05: Lò hơi số 02;
- Nguồn số 06: Lò hơi số 03;
- Nguồn số 07: Lò hơi số 04.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1176419; Y = 604215;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1176385; Y = 604209;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1176389; Y = 604187;
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1176407; Y = 604199;
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1176407; Y = 604200;
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1176406; Y = 604201;
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1176406; Y = 604202.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Nâng cấp, thay thế máy móc thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.4. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9874/GPMT-STNMT
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh ước tính (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 04
3	Ắc quy chì thải	Rắn	6	19 06 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	30	08 02 04
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	10	18 01 03
7	Nước thải có thành phần nguy hại (Nước thải từ quá trình rửa thiết bị, từ phòng thí nghiệm)	Lỏng	0,4 m ³ /ngày.đêm tương đương 120m ³ /năm bằng 120.000 kg/năm	19 10 01
8	Nước có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước pha tiêm	Lỏng	6m ³ /6 tháng tương đương 6.000 kg/năm	12 09 04
Tổng cộng			126.106	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Thùng chứa, bao nilon, bao bì đóng gói thải (không dính thành phần nguy hại)	230
02	Dây đai, thùng carton thải	50
03	Pallet hư, lõi thải	50
04	Giấy văn phòng thải	4
Tổng cộng		334

Ngoài ra còn có sản phẩm bị lỗi, không đạt chất lượng, sản phẩm hết hạn tồn tại ở trạng thái lỏng được phát sinh với khối lượng 0,4 m³/ngày.đêm tương đương 120m³/năm bằng 120.000 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
01	Rác thải sinh hoạt	105
TỔNG KHỐI LƯỢNG		105

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng HDPE, can nhựa, bồn chứa bằng bê tông cốt thép phủ lớp FRP có dung tích 10m³.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

Diện tích: 14 m² và 14,6 m²

Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa 14 m²: có kết vách cấu tường, mái nhôm, nền thanh dầm ngang bằng thép, nền chống thấm, kho chứa CTNH được đặt cao 10cm và gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Khu vực lưu chứa 14,6 m²: dùng để đặt bồn chứa có dung tích 10m³ có kết cấu vách tường, mái BTCT, nền BTCT chống thấm và xây gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng nhựa 120L, bao PP.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

Diện tích: 13,6 m²

Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: vách tường, nền BTCT, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

Riêng sản phẩm bị lỗi, không đạt chất lượng, sản phẩm hết hạn sẽ được lưu chứa trong trong bồn chứa có dung tích 10m³, đặt tại tầng 1 với diện tích 14,6m², thiết kế kho có kết cấu tường, mái BTCT, nền BTCT chống thấm và xây gờ cao 10cm và nhằm tránh ảnh hưởng sức khỏe đến cộng đồng nếu được người dân sử dụng vì vậy Công ty thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu, vận, và xử lý như chất thải nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng rác HDPE có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung có diện tích 2m², được thiết kế có nền bê tông, mái che và gắn biển dấu hiệu.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9874/GPMT-STNMT
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường))

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả; Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình

xử lý chất thải.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Chủ dự án phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

11. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Long Hậu./. 